TÒA ÁN NH DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nH gia đình)

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nH dân: Ông Đặng Viết Côi; Ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nH dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nH dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nH dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nH và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Trần Thị H, sinh ngày 09/9/1985;

Số CC: 001185031096; do Bộ Công an cấp ngày 12/4/2025.

/ Bị đơn**:** Anh Đặng Văn S, sinh ngày 29/01/1983;

Số CCCD: 001083045158; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/4/2021.

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn LX, xã PD, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị H là nguyên đơn trình bày: chị và anh Đặng Văn S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PX (nay là: xã PD) năm 2019. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng chị bình thường, nH1 số vợ chồng chị hiếm muộn con cái nên đến năm 2020 chị cố gắng dành dụm tiền để đi cấy kỹ thuật IVF,

may mắn chị được sinh đôi hai cháu một con trai một con gái. Mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu từ khi chị sinh con. Trước đây, khi chưa có con, vợ chồng chị kinh tế ai làm người đó giữ, tự chi tiêu, chị cũng chưa bao giờ đoái hoài quan tâm đến tiền anh S làm được bao nhiêu. Thỉnh thoảng anh S có đưa tiền cho chị nH1 chỉ gọi là một chút, chị cũng không quan tâm việc đó. Ngay cả khi đi chạy chữa để có con anh S cũng chỉ đưa được cho chị số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn), trong khi đó toàn bộ chi phí để có được 02 đứa con là rất lớn, chị cũng không ý kiến gì. NH1 sau khi chị đẻ con, do sinh đôi, chị phải dành toàn bộ thời gian để chăm sóc hai cháu nên chị không đi làm được nữa, không có thu nhập, anh S cũng chỉ đưa cho chị tiền gọi là để chăm con, anh S còn nói chị là lười, dựa vào con để lười làm. Chị nghĩ đến việc cố gắng mãi mới có được con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để chung sống, nH1 khoảng giữa năm 2024 anh S làm nghề chẻ tăm thuê ở Quảng Phú Cầu không may bị vào tay và không đi làm được nữa, chị có nói chuyện xin phép anh S là để chị đi làm còn kiếm tiền trang trải chi phí sinh hoạt gia đình nH1 anh S không đồng ý, anh còn đi nói xấu rêu rao và chửi chị là không ở nhà chăm sóc chồng, bỏ bê chồng con, trong khi hai vợ chồng chị đều làm nghề tự do, không đi làm thì không có tiền nuôi con. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn, chị có nói chuyện với mẹ chồng xin phép cho chị được đi vì chị không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa. Do kinh tế chưa ổn, đưa cả hai con đi cùng thì sợ làm các con khổ theo mình, vì cháu gái có thể trạng sức khoẻ kém hơn cháu trai nên chị đành phải để con trai ở lại với anh S và chị đưa con gái đi theo. Chị và anh S đã sống ly tH 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai, anh S con nhắn tin chửi và đe doạ chị. Chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh S, chị không thể tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung: Đặng Gia H và Đặng Gia H1, đều sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay cháu H đang ở với chị, cháu H1 ở với anh S. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con cho chị, vì thời gian gần đây chị về thăm con nH1 anh S gây khó khăn không cho chị thăm con.

Hiện chị đang làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị là 10.000.000đồng/tháng. Do là lao động tự do nên chị không có giấy tờ xác nhận thu nhập để nộp cho Toà án. Anh S làm nghề chẻ tăm thuê ở xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn S: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án – mẹ đẻ anh Đặng Văn S là bà Đặng Thị C trình bày: về mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh S cụ thể như nào bà không nắm rõ, vì nhà bà ở liền kề với nhà anh S chị H, bà và vợ chồng anh S chị H ăn riêng nH1 trong ngày vợ chồng anh S chị H cùng các cháu vẫn chạy qua chạy lại với bà. Tuy nhiên, từ đầu năm 2025 âm lịch chị H bế con gái bỏ đi khỏi nhà, không sống chung nhà với anh S nữa. Chị H và anh S có 02 con chung, con gái hiện đi với chị H, con trai hiện ở với anh S. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh S, quan điểm bà đề nghị Toà giải quyết theo quy định pháp luật. Anh S – con trai bà lao động tự do, sáng đi tối về, có hôm thì ở nhà buổi sáng chiều mới đi làm, cũng có hôm ở nhà cả ngày, nH1 anh S làm ở đâu cụ thể thì bà không biết. Bà đã thông báo cho anh S biết về việc chị H nộp đơn xin ly hôn đến Toà án nH1 vì công việc bận, lại ở xa nên anh S xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Toà án, bà nhận thay và nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của Toà án cho anh S nH1 bà từ chối ký tất cả các biên bản của Toà án. Bà xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Toà án.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã PD, Công an xã PD thể hiện:

* Về quan hệ hôn nH: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 là người ở thôn Đào Xá, xã Hoàng Long, huyện PX (cũ), thành phố Hà Nội; tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn S, sinh năm 1983 tại UBND xã Phù Lưu, huyện PX (cũ), thành phố Hà Nội; Sau khi kết hôn chị H chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống với anh S tại nhà anh S ở thôn LX, xã PT, huyện PX (nay là xã PD), thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng anh S chị H cụ thể như nào chính quyền địa pH không nắm rõ được, chỉ biết thông qua dư luận quần chúng thì chị H đã bỏ đi khỏi nhà anh S mấy tháng nay, chị H mang theo con gái đi cùng. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh S, quan điểm chính quyền địa pH: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về nơi cư trú của anh S: anh Đặng Văn S có đăng ký thường trú tại thôn LX, xã PD, thành phố Hà Nội, cùng địa chỉ thường trú và cư trú với mẹ đẻ là bà Đặng Thị C, sinh năm 1944. Anh S thường xuyên sinh sống tại địa chỉ này.

** Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nH dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nH1 không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S; giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị H nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nH và gia đình, anh Đặng Văn S là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn LX, xã PD, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nH dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nH1 anh S vắng mặt không có lý do; chị H xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nH: chị Trần Thị H và anh Đặng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PX (nay là xã PD) ngày 12/3/2019 là hôn nH hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH chủ yếu theo chị H trình bày là do kể từ khi chị sinh đôi hai con, phải ở nhà chăm con, không đi làm kiếm tiền lo chi phí sinh hoạt gia đình nên anh chị phát sinh mâu thuẫn từ việc kinh tế gia đình; Chị H bế theo con gái bỏ nhà đi khỏi nhà anh S, sống ly tH với anh S đã 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H cương quyết xin được ly hôn với anh S; anh S không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S và chị H là căng thẳng, có thời gian sống ly tH dài, hôn nH giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là Đặng Gia H và Đặng Gia H1, đều sinh ngày 04/8/2020. Cả hai cháu đều còn quá nhỏ. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; anh S không đến Toà án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của con chung được ổn định và tốt nhất, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh S cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh S không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nH và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nH: chị Trần Thị H được ly hôn anh Đặng Văn S.

2. Về con chung: chị Trần Thị H và anh Đặng Văn S có 02 con chung là: Đặng Gia H và Đặng Gia H1, đều sinh ngày 04/8/2020. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh S cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005420 ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện